

Bản án số: 32/2020/HSST

Ngày: 28 - 05 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi

Ông Nguyễn Thành Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Bình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Th Ngọc Từ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 04 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXXST- HS ngày 05/05/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/HSST- QĐ ngày 21/05/2020 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: Nguyễn Văn Th, sinh ngày: 05/05/1996, tại H.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn U, xã M, huyện N, tỉnh H. Chỗ ở hiện nay: Tiệm cầm đồ Ngọc T 6789, ấp T 1, xã C, huyện Tr, tỉnh Đ.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1969 và con bà Trần Thị H, sinh năm 1971. Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là thứ hai. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20 tháng 12 năm 2019, chuyển tạm giam ngày 27/12/2019 theo Lệnh số 13/LTG của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom. Đến ngày 27 tháng 3 năm 2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 384/QĐ-VKS-P2 hủy bỏ biện pháp tạm giam. Hiện bị cáo

đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 385/LCCT-VKS-P2 ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

2. Họ tên: Hong Cống L; Tên gọi khác: Hsiang Kuang L và H, L. Sinh ngày: 29/7/1992, tại Đ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1-1 ngõ 50, đường T, Khóm 013, phường H, khu D, thành phố Đ, Đài Loan.

Chỗ ở hiện nay: Số 295/8, ấp L, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ. Nghề nghiệp: Làm tóc; Trình độ học vấn: Lớp 9/12. Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nữ ; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Đài Loan; Con ông: Hong A S, sinh năm 1971 và con bà: Đỗ Chiêu Q, sinh năm 1972. Gia đình bị cáo có 06 chị em, bị cáo là thứ hai. Có chồng là Wang Wei W, sinh năm 1983, quốc tịch Đài Loan, có 02 con lớn sinh năm 2014 và nhỏ sinh năm 2016.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 23 tháng 3 năm 2020, theo Lệnh số 452/CSĐT-PC01 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 25/3/2020, được thay thế biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 466/CSĐT-PC01 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai.

3. Họ tên: Hong Cống S, tên gọi khác: Th. Sinh ngày: 05/6/1995, tại Đ.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 295/8, ấp L, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Như trên.

Nghề nghiệp: Làm rẫy. Trình độ học vấn: Lớp 6/12. Dân tộc: Hoa; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hong A S, sinh năm 1971 và con bà: Đỗ Chiêu Q, sinh năm 1972. Gia đình bị cáo có 06 chị em, bị cáo là thứ tư. Có vợ là Trần Thị Kim Th, sinh năm 1999, có 02 con lớn sinh năm 2017 và nhỏ sinh năm 2019.

Tiền án; Tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 20 tháng 12 năm 2019, theo Lệnh số 19/QĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom. Đến ngày 29 tháng 12 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom ra Quyết định số 12/QĐ-VKS-TB hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh số 379a/LCCT-VKS-P2 ngày 26 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Bị hại: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh 1985.

Trú tại: Đội 4, ấp D, xã G1, huyện Th, Đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Tsan Ngọc M**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ.

2. Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 67, Khu phố 1, xã Ph, huyện Đ, tỉnh Đ.

(Các bị cáo Th, bị cáo L, bị cáo S có mặt; anh P, anh T, bà M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hong Cống L, quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan) tạm trú tại ấp L, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ, có quen biết với Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Ph, huyện N, tỉnh H và Nguyễn Văn Th, hộ khẩu thường trú tại thôn U, xã M, huyện N, tỉnh H. Tháng 9 năm 2019 T và Th vào Đồng Nai chơi với L và được bà Đỗ Chiêu Q (mẹ ruột của L), sinh năm 1972, hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ, nhận làm con nuôi. T được bà Q cho mượn căn nhà tại xã C, huyện Tr, tỉnh Đ để mở tiệm cầm đồ Ngọc T 6789.

Thông qua mối quan hệ xã hội, anh Nguyễn Văn P sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú tại đội 4, ấp D, xã G1, huyện Th, tỉnh Đ có quen biết với Hong Cống L. Do cần tiền giải quyết công việc nên ngày 01/10/2019, anh P đến gặp T để vay tiền, do biết P là chỗ quen biết với L nên T đồng ý cho anh P vay 5.000.000đ (năm triệu đồng) có L chứng kiến. Cùng ngày bà Tsan Ngọc M, sinh năm 1969, hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ đến tiệm cầm đồ Ngọc T 6789 để vay 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Khi vay, T đứng ra lập hợp đồng cho vay với anh P và bà M, trên hợp đồng không thể hiện thời hạn và lãi suất vay. Tại Cơ quan điều tra anh P và bà M đều khai vay với lãi suất là 20.000đ/1.000.000đ/ngày, tuy nhiên qua đối chất T khai do anh P và bà M là những người có quen biết nên không lấy lãi và thời hạn vay chỉ là 20 ngày, đến ngày 20/10/2019 là đến hạn trả nợ.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 23/10/2019, biết bà M nợ tiền T không trả nên Hong Cống L rủ Hong Cống S (em ruột của L) và Nguyễn Văn Th đến nhà bà M để đòi nợ.

Khi đến trước cửa nhà bà M thì L, S và Th gọi bà M ra trả tiền nhưng anh Chí Sau Th, sinh năm 1993 (con ruột bà M) nói bà M không có nhà. Lúc này, L nhìn qua cửa sổ thì thấy anh P đang trong nhà, biết anh P cũng đang nợ tiền vay của T, nên L hỏi P sao nợ tiền không trả thì giữa L và anh P lời qua tiếng lại, cãi vã lẫn nhau. Th bảo anh Th mở cửa để Th vào nói chuyện với anh P. Khi Th, L và S vào bên trong nhà bà M thì anh P đang đi vệ sinh không ra nói chuyện với Th. Th đứng trước cửa phòng vệ sinh gọi và yêu cầu anh P ra nói chuyện nhưng anh P không ra. Bực tức, Th đi vào bếp lấy 01 con dao Th thịt, S ra ngoài đường lấy 01 khúc cây gỗ, sau đó Th dùng chân đạp cửa, dùng dao chém vào cánh cửa phòng vệ sinh, S dùng khúc cây khô đập phá cửa nhà vệ sinh làm cửa nhà vệ sinh bung ra; tiếp đó Th vung dao đe dọa và dùng tay đánh vào mặt anh P, S dùng khúc cây khô đánh vào người và đầu, dùng tay, chân đấm, đá anh P liên tiếp. Hai bên xô đẩy khiến cửa nhà vệ sinh bị bung và vỡ kết nước bồn cầu. Th và S kéo anh P ra khỏi nhà vệ sinh và tiếp tục đánh anh P. Lúc này, L lấy 01 cái xô sắt trong nhà bà M đánh vào người anh P. Anh Th thấy ồn ào nên nói mọi người đi chỗ khác thì L bảo S đưa Th đi chỗ khác nói chuyện tránh ồn ào. S lấy dao Thái Lan dí vào người P rồi cùng L khống chế bắt anh P đi lên đường nhựa trước nhà bà M, yêu cầu anh P đưa chìa khóa xe mô tô của mình cho Th. Do anh P không chịu lên xe nên bị S dùng khúc cây khô đập mấy cái vào người và đầu của anh P, Th dùng dao chém 01 nhát vào lưng, L dùng mũ bảo hiểm của mình đập vào người anh P mấy cái bắt anh P phải lên xe. Khi anh P lên xe thì Th và S vút hung khí tại hiện trường, Th điều khiển xe của anh P chở anh P ngồi giữa, S ngồi phía sau giữ anh P, còn L điều khiển xe mô tô đi theo phía sau một mình.

Khi đi được khoảng hơn 03 km, đến khu vực rẫy nhà ông Hoàng Văn M, tổ 12, ấp L, xã Th (sát rẫy nhà S) thì S nói Th dừng xe lại. Cả 3 để xe bên lề đường, Th và S ép anh P vào bên trong rẫy và yêu cầu anh P quỳ xuống xin lỗi L, nhưng anh P không thực hiện nên bị Th dùng tay đánh. Sau đó, các bị cáo nói anh P tại sao nợ không trả. Lúc này, vợ anh P là chị Nguyễn Thị Diễm M thấy khuya mà chưa thấy anh P về nên gọi điện thoại hỏi thì anh P nói cho vợ biết đang bị bắt giữ, đồng thời nói chị M mang 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tới trả thì mới được thả nhưng chị M nói không có tiền. Sau đó, chị M báo cho mẹ ruột anh P là bà Vũ Thị Ch biết sự việc. Bà Ch gọi điện thoại cho anh P thì anh P cũng nói đang bị bắt, giữ và bảo bà Ch mang 10.000.000đ (*Mười triệu đồng*) tới trả mới được thả về. Tuy nhiên, cả chị M và bà Ch không ai mang tiền tới. Sau khi giữ anh P ở rẫy khoảng hơn 40 phút, anh P nói M sẽ mang tiền đến trả thì L,

S và Th để cho anh P tự điều khiển xe của anh P đi về. Sau khi đi băng bó vết thương, anh P đến Công an xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, các bị cáo L, Th, S đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

* Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/01/2020 tại nhà bà Tsan Ngọc M thuộc ấp T, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ.

Tiến hành khám nghiệm hiện trường theo hướng Tây đến Đông phát hiện ngôi nhà xảy ra vụ việc là nhà cấp 4, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền lát gạch hoa, có cửa chính ra vào nhà kích thước 5,4m x 2,6m, cửa làm bằng hai cánh kim loại, ổ khóa cài không có dấu hiệu bị cạy phá. Nhà có kích thước 7,5m x 40m gồm có 01 phòng khách, 05 phòng ngủ, 01 phòng bếp và 01 phòng vệ sinh, phòng ngủ được đánh số thứ tự từ 01 đến 05 theo hướng khám nghiệm. Nhà có 01 cửa chính để ra vào, 04 cánh cửa làm bằng kính, khung sắt, mỗi cánh cửa có kích thước 0,6m x 2,6m, cửa không có dấu hiệu cạy phá.

Phòng khách có kích thước 7,5m x 4,9m, góc bên trái của phòng khách theo hướng khám nghiệm là vị trí đặt bàn ghế gỗ tiếp khách. Nhà có 01 lối hành lang lưu thông trong phòng rộng 1,2m chia các phòng ngủ của gia đình ra, bên trái hướng khám nghiệm hiện trường là 03 phòng còn bên phải là 02 phòng. Tiến hành khám nghiệm phòng ngủ số 01 phát hiện phòng có 01 cửa ra vào làm bằng kính khung sắt không có dấu hiệu cạy phá, phòng ngủ có kích thước 2,9m x 2,8m có 01 nệm ngủ đặt ở góc đông nam có kích thước 2m x 1,7m, phòng có 01 cửa sổ ở tường phía Bắc có 02 cánh mỗi cánh cửa có kích thước 0,5m x 1,17m, cánh cửa sổ mở không có dấu hiệu cạy phá. Tại vị trí bị hại Nguyễn Văn P đứng trong phòng sát tường phía Đông, cách tường phía Bắc 1,1m, tường phía Nam 1,5m nhìn thấy Hong Cống S đứng phía ngoài vườn phía Bắc, cách cửa sổ của phòng ngủ số 01 là 3,6m, cách bị hại P đứng là 5m. Khám nghiệm khu vực nhà bếp có kích thước 5m x 4,1m, góc đông bắc của phòng là khu vực bếp nấu ăn, tại vị trí cách tường phía tây 0,5m, cách tường phía Bắc 0,55m, tường phía đông 1,3m, tường phía nam 6,3m là vị trí đặt con dao mà bị cáo Hong Cống S dùng để uy hiếp khống chế bị hại P tại nhà vệ sinh theo lời trình bày của bị cáo S. Từ vị trí con dao đến nhà vệ sinh là 5,7m.

Nhà vệ sinh có kích thước 0,9m x 1,9m có cửa nhựa 01 cánh màu vàng có kích thước 0,65m x 1,8m không có dấu hiệu bị cạy phá.

* Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 31/01/2020 tại ấp L, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr đã thu thập được các dấu vết như sau:

Hiện trường xảy ra vụ việc tại khu vực rẫy của ông Hoàng Văn M tổ 12, ấp L, xã Th, huyện Tr, tỉnh Đ.

- Hướng Đông tiếp giáp với ruộng của người dân và đường nhựa liên ấp.
- Hướng Nam giáp với nhà ông M.
- Hướng Tây giáp với rẫy.
- Hướng Bắc giáp với nhà dân.

Khám nghiệm hiện trường theo hướng Đông đến Tây phát hiện khu vực rẫy nơi xảy ra sự việc là rẫy trồng chuối có đất đá nổi trên bề mặt, có đường nhựa liên ấp chạy qua trước khu vực rẫy. Tại vị trí cách biển báo giao thông 17m là vị trí bị cáo S đứng uy hiếp bị hại P; cách biển báo giao thông 16,7m là vị trí bị hại P đứng, hai người cách nhau 0,6m theo lời trình bày của bị cáo S và bị hại P. Tại vị trí cách vị trí P đứng 10,5m là vị trí bị hại P bị dẫn vào sâu để uy hiếp theo lời trình bày của anh P.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 24/12/2019 của Hội đồng định giá UBND huyện Tr kết luận tổng trị giá tài sản bị hư hỏng cần định giá gồm 01 cánh cửa nhựa PVC cánh quay, 01 bồn cầu trệt bằng sứ Thiên Thanh king là: 1.349.000đ (*Một triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn đồng*).

* Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích đối với Nguyễn Văn P số 1162/TgT/2019 ngày 31/12/2019 của Trung tâm pháp y Sở y tế Đ kết luận: Dấu hiệu chính qua giám định:

Sẹo vùng đỉnh phải kích thước 2,5cm x 01cm (Áp dụng chương 9, điều I, mục 1), tỷ lệ: 01%. Vết xước da lưng trái không khâu hiện để lại sẹo mờ kích thước 12cm x 0,1cm (Áp dụng Chương 9, điều I, mục 1). Tỷ lệ 01%.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể (Áp dụng theo phương pháp cộng lùi) do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là: 02% (Hai phần trăm).

Vật gây thương tích: Thương tích vùng đầu do vật tày, thương tích vùng lưng do vật sắc.

* Vật chứng vụ án được thu giữ:

- 01 con dao Thái thịt dài 30cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 10cm, lưỡi dao dài 20cm, chiều rộng lưỡi dao 08cm, mũi dao bằng.

- 01(một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán dao bằng nhựa đẹp, dài 07 cm, cán màu vàng, đuôi dao có một lỗ, lưỡi dao dài 13cm, mũi dao nhọn.
- 01(một) khúc cây gỗ tạp dài 31cm, có chằng 02, có 02 mắt gù.
- 01(một) xô sắt KT (31×22×29) cm.
- Đối với chiếc nón bảo hiểm L khai sau khi sử dụng để đánh anh P đã làm mất, nên không thu hồi được.

* Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tr thu giữ của Hong Cóng S 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu đen và Itet màu xanh đen, ngày 26/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 473/CSĐT-PC01 trả cho bị cáo Hong Cóng S.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn P yêu cầu các bị cáo Hong Cóng L, Hong Cóng S, Nguyễn Văn Th liên đới bồi thường số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*), các bị cáo đã thực hiện bồi thường xong. Bị hại Nguyễn Văn P đã có Đơn rút yêu cầu khởi tố, bãi nại xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự và đơn xin giảm hình phạt đối với các bị cáo. Bà Tsan Ngọc M yêu cầu các bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa bồn cầu và cánh cửa nhà vệ sinh 3.200.000đ (*Ba triệu hai trăm nghìn đồng*), Hong Cóng S và bà Đỗ Chiêu Q đã bồi thường cho bà M. Bà M đã có đơn xin bãi nại cho các bị cáo.

* Cáo trạng số 475/CT-VKS-P1 ngày 14 tháng 04 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Hong Cóng S và Hong Cóng L về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

* ***Quan điểm của đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*** Tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Nguyễn Văn Th, Hong Cóng L, Hong Cóng S về tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”, đồng thời đánh giá tính chất mức độ, hành vi phạm tội cũng như các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo đều chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, về nhân thân các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn, đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại và đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, hai bị cáo L và bị cáo S hiện đang nuôi con còn nhỏ. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm b, h, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo mức hình phạt như sau:

- Bị cáo Nguyễn Văn Th mức án tù 13-15 tháng cải tạo không giam giữ
- Bị cáo Hong Cóng S mức án tù 12 - 14 tháng cải tạo không giam giữ
- Bị cáo Hong Cóng L mức phạt từ 20.000.000đ – 30.000.000đ
- Về xử lý vật chứng: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tuyên xử lý toàn bộ vật chứng đã được thu giữ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị cáo Hong Cóng L là người nước ngoài, có quốc tịch Đài Loan, bị cáo cùng Nguyễn Văn Th thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 268 của Bộ luật tố tụng hình sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết và xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa các bị cáo Hóng Cóng L, Nguyễn Văn Th và Hóng Cóng S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập có tại hồ sơ, biên bản khám xét, biên bản thu nhận vật chứng và biên bản đối chất giữa các bị cáo cùng những người liên quan khác trong vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Do bà M và anh P không trả tiền vay đúng hạn, nên vào khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 23/10/2019, Hong Cóng L cùng với Hong Cóng S và Nguyễn Văn Th đến nhà bà M đòi tiền cho anh T nhưng không gặp bà M mà các bị cáo gặp anh P. Tại đây, L đòi tiền anh P nên giữa L và anh P cãi vã dẫn tới việc Th, L, S dùng hung khí là dao Th thật, khúc cây, xô bằng sắt, nón bảo hiểm đánh anh P gây thương tích 02%. Sau khi đánh, các bị cáo bắt anh P đem đến khu vực rẫy nhà ông Hoàng Văn M, Tổ

12, ấp L, xã Th cách nhà bà M khoảng hơn 03km và giữ anh P khoảng hơn 40 phút mới thả cho ra về. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*” quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với tích chất đồng phạm giản đơn, hành vi của các bị cáo là do bộc phát không có sự chuẩn bị trước, do đó hành vi phạm tội của các bị cáo có vai trò ngang nhau.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự tại địa phương, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của cộng đồng, tác động rất xấu đến tình hình trị an tại địa phương. Do vậy, đối với bị cáo cần phải áp dụng mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét trong suốt quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, về nhân thân các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn, đã tự nguyện bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại 70.000.000đ (bảy mươi triệu) được người bị hại làm đơn bãi nại và đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự; trong vụ án này có hai bị cáo L và bị cáo S là hai chị em ruột, đồng thời là người dân tộc, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, hiện hai bị cáo đang nuôi hai con còn nhỏ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo Hong Cống L cũng đủ răn đe và có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

Riêng hai bị cáo Nguyễn Văn Th và Hong Cống S Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt “Cải tạo không giam giữ” đồng thời khấu trừ đi thời gian hai bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam trước (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ) để các bị cáo phải chấp hành, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, đồng thời giao hai bị cáo cho địa phương nơi các bị cáo cư trú, kết hợp với gia đình bị cáo để quản lý trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[4] Xét bị cáo hiện hai bị cáo Nguyễn Văn Th và Hong Cống S chưa có nghề nghiệp ổn định, gia đình khó khăn nên cho hai bị cáo miễn việc khấu trừ thu nhập.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng gồm:
- 01 con dao Thái thịt dài 30cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 10cm, lưỡi dao dài 20cm, chiều rộng lưỡi dao 08cm, mũi dao bằng.
- 01(một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán dao bằng nhựa đẹp, dài 07 cm, cán màu vàng, đuôi dao có một lỗ, lưỡi dao dài 13cm, mũi dao nhọn.
- 01(một) khúc cây gỗ tạp dài 31cm, có chằng 02, có 02 mắt gù.
- 01(một) xô sắt KT (31×22×29) cm.
- Đối với 02 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone màu đen và Itet màu xanh đen của Hong Cống S. Quá trình điều tra, ngày 26/3/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 473/CSĐT-PC01 trả cho bị cáo Hong Cống S là phù hợp.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Th, Hong Cống L và Hong Cống S phạm tội “*Bắt giữ người trái pháp luật*”.

1. Quyết định hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 36; khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

1.1. Xử phạt bị cáo: **Nguyễn Văn Th 02** (Hai) năm cải tạo không giam giữ, nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 03 (ba) tháng 7 (bảy) ngày (từ ngày 20/12/2019 cho đến ngày 27/03/2020 x 03 = 09 (chín) tháng 21 ngày). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo **Nguyễn Văn Th** phải chấp hành là **14** (mười bốn) tháng **09** (chín) ngày được

tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

1.2. Xử phạt bị cáo: **Hong Cống S** (Thế) 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được khấu trừ vào thời gian bị cáo bị tạm giữ, tạm giam là 09 (chín) ngày (từ ngày 20/12/2019 cho đến ngày 29/12/2019 x 03 = 27 (hai bảy) ngày. Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo **Hong Cống S** (Thế) phải chấp hành là **11** (mười một) tháng **03** (ba) ngày được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Giao bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Hong Cống S cho chính quyền địa phương nơi hai bị cáo thường trú giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát giáo dục bị cáo.

- Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn Th và bị cáo Hong Cống S.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm b, i, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 35; khoản 2 Điều 54, khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

1.3. Xử phạt bị cáo: **Hong Cống L** 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 con dao Thái thịt dài 30cm, cán dao bằng gỗ tròn dài 10cm, lưỡi dao dài 20cm, chiều rộng lưỡi dao 08cm, mũi dao bằng.

- 01(một) con dao Thái Lan dài 20cm, cán dao bằng nhựa đẹp, dài 07 cm, cán màu vàng, đuôi dao có một lỗ, lưỡi dao dài 13cm, mũi dao nhọn.

- 01(một) khúc cây gỗ tạp dài 31cm, có chằng 02, có 02 mắt gù.

- 01(một) xô sắt KT (31×22×29) cm. (Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/04/2020).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo (6);
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Người bào chữa ;
- VKSND cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh;
- Cơ quan cảnh sát điều tra - CA tỉnh ĐN (PC45);
- Cơ quan THA hình sự
- CA tỉnh Đồng Nai (PC81);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Nai (B5);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - CA tỉnh Đồng Nai (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng KTNV và THA – TAND tỉnh ĐN (2);
- Lưu (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương